

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ, sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức, biên chế và quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- CQĐD BNV (TPHCM);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Công ty Xổ số kiến thiết Sóc Trăng;
- Công ty Cấp nước Sóc Trăng;
- Công ty Công trình Đô thị Sóc Trăng;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, QT, NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan hành chính nhà nước, gồm: các sở, cơ quan tương đương sở, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND), Ban Quản lý các khu công nghiệp (sau đây gọi chung là sở, ban ngành); các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành; các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; trực thuộc sở, ban ngành, UBND cấp huyện; trực thuộc tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành; trực thuộc các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội do UBND tỉnh quyết định thành lập và giao số lượng người làm việc.

c) Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.

d) Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước đang công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này.

đ) Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền luân chuyển, biệt phái hoặc điều động về công tác tại các hội đặc thù, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Viên chức được tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp làm việc tại các hội đặc thù.

e) Các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, gồm: Chủ tịch công ty; Kiểm soát viên; người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước.

3. Phạm vi và đối tượng không áp dụng

a) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý về tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; công chức, viên chức thuộc hội đặc thù, các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý cán bộ, công chức, viên chức đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của UBND các cấp, bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc thực hiện quản lý về tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương có liên quan, Quy định phân cấp quản lý cán bộ hiện hành của Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Điều 3. Phân cấp trách nhiệm

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội đặc thù; các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc cử làm đại diện.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc do UBND tỉnh quyết định thành lập và giao số lượng người làm việc (sau đây gọi là sở, ban ngành và tương đương), Chủ tịch UBND cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

Trong phạm vi trách nhiệm quản lý của mình, Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (các tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân, trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn) thực hiện một số nội dung về công tác quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ) trực thuộc sở, ban ngành và tương đương, trực thuộc UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện trong quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo nội dung phân cấp này.

5. Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong công tác quản lý cán bộ đối với các chức danh do UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước theo quy định.

Chương II

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TỔ CHỨC

Điều 4. Thẩm quyền của UBND tỉnh

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phê duyệt cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định của Chính phủ.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của luật chuyên ngành.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; trực thuộc sở, ban ngành và tương đương; trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành; quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban ngành; phê duyệt đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn

vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

2. Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài): trường trung cấp chuyên nghiệp, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông), trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tỉnh (nếu có), trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm ngoại ngữ, tin học và các cơ sở giáo dục khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND tỉnh.

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức mang tính phối hợp liên ngành cấp tỉnh: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành.

4. Quyết định phê duyệt điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; phê duyệt phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

5. Quyết định xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc sở, ban ngành, UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện.

7. Quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ, cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh và quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án tổng thể các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc UBND cấp huyện trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật. Thẩm định trình UBND tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành; phê duyệt cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của luật chuyên ngành.

3. Thẩm định, trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; trực thuộc sở, ban ngành và tương đương; trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

4. Thẩm định, trình UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

5. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp hướng dẫn UBND cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

6. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước; phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp của tỉnh; thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh hồ sơ xin phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện.

10. Thẩm định, lấy ý kiến bằng văn bản của sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà quỹ hoạt động, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, đình chỉ, tạm đình chỉ, cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh và quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã theo quy định.

Điều 7. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương

1. Căn cứ phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh về cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương quyết định thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2. Thẩm định, đề xuất UBND tỉnh giải quyết đề nghị của UBND cấp huyện về thành lập, tổ chức lại tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động thuộc thẩm quyền của sở, ban ngành quản lý. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực quản lý của sở, ban ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền của UBND cấp huyện

1. Xây dựng đề án về cơ cấu tổ chức; về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật.

3. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cụ thể của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo hướng dẫn của sở, ngành chuyên môn.

Điều 9. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Căn cứ quyết định phê duyệt đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và luật chuyên ngành.

2. Quyết định thành lập (đối với các trường công lập), cho phép thành lập (đối với các trường ngoài công lập), sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài) đối với các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó không có cấp học trung học phổ thông), trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện.

3. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã (sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Sở Nội vụ); phê duyệt điều lệ đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã.

4. Quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ, cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập, thu hồi giấy phép thành lập, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã; trừ trường hợp quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Điều 10. Thẩm quyền của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại các phòng, khoa, tổ bộ môn chuyên môn, tổ chức trực thuộc (trừ các tổ chức có tư cách pháp nhân) sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa, tổ bộ môn, tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 11. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Chỉ đạo các sở, ban ngành và tương đương, UBND cấp huyện, các hội đặc thù xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) theo quy định.

2. Chỉ đạo Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch biên chế công chức, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập hàng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quản lý; tổng hợp, xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Trình HĐND tỉnh quyết định giao biên chế công chức (trong tổng biên chế Bộ Nội vụ giao); phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ) và tổ chức thực hiện sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức; việc chấp hành các quy định về quản lý vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý những vi phạm về quản lý biên chế công chức, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thẩm quyền của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn giúp Chủ tịch UBND tỉnh quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, hội đặc thù của tỉnh, thực hiện nhiệm vụ sau:

1. Thẩm định, tổng hợp lập kế hoạch biên chế công chức, Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các hội đặc thù của tỉnh, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Hướng dẫn các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm; xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công

chức; Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện biên chế công chức; vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh theo quy định.

4. Thanh tra, kiểm tra đối với các sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh thực hiện công tác quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và đề xuất xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 13. Thẩm quyền của Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, lãnh đạo hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh

1. Quản lý biên chế công chức, vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý

a) Tổ chức triển khai chỉ tiêu biên chế công chức được UBND tỉnh giao hàng năm hiệu quả; quyết định phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập kế hoạch biên chế công chức, xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch biên chế công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; tổng hợp, xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm của cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

d) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo về tình hình thực hiện và quản lý biên chế công chức tại cơ quan, đơn vị cho cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế công chức.

2. Quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định.

b) Thẩm định đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị sự nghiệp.

c) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định số lượng người làm việc bảo đảm sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổng hợp, xây dựng đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

đ) Trên cơ sở số lượng người làm việc được Chủ tịch UBND tỉnh giao, quyết định phân bổ số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ).

e) Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổng hợp, báo cáo về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 14. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ

Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tự quyết định số lượng người làm việc đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng tài chính của đơn vị. Chịu trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị về sở, ban ngành và tương đương, UBND cấp huyện theo thẩm quyền quản lý.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 15. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Sở Nội vụ giúp UBND tỉnh quản lý chung về công tác cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh, đồng thời có nhiệm vụ sau:

a) Trực tiếp quản lý cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương (loại B) trở lên, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở lên.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện các nội dung của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh.

c) Thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm; miễn nhiệm; bãi nhiệm; điều động; chuyển công tác; luân chuyển; biệt phái; kỷ luật; cho từ chức; cho thôi giữ chức vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh trực tiếp quản lý cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương (loại C trở xuống), viên chức từ chức danh nghề nghiệp hạng III trở xuống; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi đơn vị quản lý. Thực hiện nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ trực thuộc sở, ban ngành và tương đương, UBND cấp huyện, trực tiếp quản lý viên chức từ chức danh nghề nghiệp hạng III trở xuống; thực hiện nội dung quản lý viên chức theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng Sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện về công tác quản lý viên chức thuộc đơn vị của mình.

Điều 16. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức

1. Sở Nội vụ giúp UBND tỉnh quản lý chung về công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo Bộ Nội vụ, UBND tỉnh về công tác quản lý hồ sơ theo quy định; đồng thời trực tiếp quản lý hồ sơ bổ nhiệm đối với chức danh do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức (hồ sơ gốc, hồ sơ điện tử) thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý hoặc ủy quyền cho đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức, viên chức quản lý. Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất về tình hình quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức cho cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm các chức danh:

a) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương.

b) Các chức danh lãnh đạo, quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 1 của quy định này.

c) Trưởng ban, Phó trưởng ban, Giám đốc, Phó Giám đốc, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.

d) Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện đa khoa, bệnh chuyên khoa cấp tỉnh trực thuộc Sở Y tế.

đ) Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh.

e) Các chức danh khác theo quy định của pháp luật do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm.

2. Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương quyết định bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo các phòng ban chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban ngành ngoài các chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo các phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện ngoài các chức vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ bổ nhiệm các chức danh viên chức quản lý gồm: trưởng, phó phòng và tương đương trực thuộc đơn vị.

5. Các quyết định bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức phải gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung theo quy định (đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ phải gửi về cơ quan, đơn vị cấp trên quản lý trực tiếp 01 bản để theo dõi).

Điều 18. Bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức

1. Người có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 17 quy định này thực hiện việc xem xét, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo khi hết thời hạn bổ nhiệm.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức chưa đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm theo quy định nhưng do yêu cầu nhiệm vụ được xem xét bổ nhiệm với thời hạn 2 - 3 năm, sau khi hết thời hạn bổ nhiệm mà vẫn chưa đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm thì không được xem xét bổ nhiệm lại.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo còn dưới 05 năm công tác đến tuổi nghỉ hưu, khi được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm tính đúng với tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Chương V

THẨM QUYỀN LUÂN CHUYỂN, ĐIỀU ĐỘNG, TIẾP NHẬN, BIỆT PHÁI, CHUYỂN CÔNG TÁC, ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 19. Luân chuyển cán bộ, công chức

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định luân chuyển cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện theo kế hoạch.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành quyết định luân chuyển cán bộ, công chức theo kế hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban ngành.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định luân chuyển cán bộ, công chức theo kế hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện.

Điều 20. Điều động cán bộ, công chức

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều động cán bộ, công chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh và cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương (loại B) trở lên, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định điều động cán bộ, công chức ngoài chức danh thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này (sau khi có ý kiến của Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện) từ sở, ban ngành, này sang sở, ban ngành khác hoặc UBND cấp huyện và ngược lại; từ huyện này sang huyện khác; từ sở, ban ngành, UBND cấp huyện sang các hội đặc thù; từ cơ quan tổ chức, hành chính, sự nghiệp công lập, hội đặc thù sang cơ quan Đảng, Đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương quyết định điều động công chức đối với chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm trong nội bộ của sở, ban ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều động cán bộ, công chức đối với chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm trong nội bộ của huyện.

Điều 21. Tiếp nhận công chức, viên chức

Giám đốc Sở Nội vụ quyết định hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận công chức, viên chức từ các cơ quan Trung ương và các tỉnh khác chuyển đến các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, hội đặc thù sau khi có ý kiến của Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, hội đặc thù (trong đó lưu ý: công chức, viên chức được tiếp nhận phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và trình tự thủ tục theo quy định hiện hành và phù hợp với vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt).

Điều 22. Biệt phái công chức, viên chức:

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định biệt phái công chức, viên chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh và công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A), viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định biệt phái công chức, viên chức ngoài chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh (sau khi có ý kiến của Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, hội đặc thù) từ sở, ban ngành, hội đặc thù này sang sở, ban ngành, hội đặc thù khác hoặc UBND cấp huyện và ngược lại; từ huyện này sang huyện khác; từ cơ quan tổ chức, hành chính, sự nghiệp công lập, hội đặc thù sang cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương quyết định biệt phái công chức, viên chức đối với chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm trong nội bộ của sở, ban ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định biệt phái công chức, viên chức đối với chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm trong nội bộ của huyện.

Điều 23. Chuyển công tác đối với viên chức

1. Khi viên chức chuyển công tác từ đơn vị sự nghiệp công lập này sang đơn vị sự nghiệp công lập khác (bao gồm các đơn vị trực thuộc các cơ quan Đảng, đoàn thể) trên địa bàn tỉnh hoặc ra ngoài tỉnh phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản, sau đó phải thực hiện chấm dứt hợp đồng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

2. Thẩm quyền cho chuyển công tác

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cho chuyển công tác đối với các chức danh viên chức lãnh đạo quản lý do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, các chức danh nghề nghiệp từ hạng II và tương đương trở lên.

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định chuyển công tác đối với viên chức ngoài đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (sau khi có ý kiến của Thủ trưởng Sở, ban ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh) từ sở, ban ngành và tương đương này sang sở, ban ngành và tương đương khác hoặc UBND cấp huyện và ngược lại; từ huyện này sang huyện khác; từ đơn vị sự

ng nghiệp công lập nhà nước sang đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh và chuyên công tác ngoài tỉnh.

c) Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương quyết định chuyển công tác đối với chức danh viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý trong nội bộ của sở, ban ngành và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

d) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định chuyển công tác đối với chức danh viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, quản lý trong nội bộ của huyện.

Điều 24. Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch UBND tỉnh nhận xét, đánh giá đối với các chức danh Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh.

2. Giám đốc sở, ban ngành nhận xét, đánh giá đối với các chức danh Phó Giám đốc sở, ban ngành, Trưởng các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở và công chức thuộc phòng chuyên môn thuộc sở, ban ngành.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện nhận xét, đánh giá đối với các chức danh Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, Trưởng các cơ quan chuyên môn, Trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

4. Trưởng các cơ quan, tổ chức hành chính trực thuộc sở, ban ngành Trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện nhận xét, đánh giá đối với công chức còn lại.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban ngành và tương đương nhận xét, đánh giá đối với cấp phó của đơn vị, hội và viên chức còn lại thuộc thẩm quyền quản lý.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đánh giá hoặc phân công, phân cấp việc đánh giá viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Người được giao thẩm quyền đánh giá viên chức phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương VI

THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC, CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, THỜI VIỆC, HƯU TRÍ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 25. Tuyển dụng công chức.

1. Sở Nội vụ tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng công chức ngạch chuyên viên và tương đương (loại C) thuộc sở, ban ngành, UBND cấp huyện; ngạch cán sự và tương đương (loại D) thuộc sở, ban ngành.

2. UBND cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức ngạch cán sự và tương đương trở xuống (từ loại D trở xuống) thuộc UBND cấp huyện theo chỉ tiêu biên chế và cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ hàng năm.

3. Việc tuyển dụng công chức phải do Hội đồng tuyển dụng thực hiện. Hội đồng tuyển dụng cấp nào do Chủ tịch UBND cấp đó quyết định thành lập.

4. Trường hợp xét tuyển công chức chỉ áp dụng đối với các đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật cho phép xét tuyển.

5. Trường hợp UBND cấp huyện chưa đủ điều kiện tổ chức kỳ thi tuyển công chức hoặc số lượng cần tuyển quá ít thì đề nghị UBND tỉnh tổ chức chung với kỳ thi tuyển công chức của cấp tỉnh.

Trong trường hợp này, căn cứ Quyết định công nhận kết quả kỳ thi tuyển của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và phân công công chức trúng tuyển về phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện và gửi quyết định tuyển dụng (01 bản) về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung.

6. Căn cứ Quyết định công nhận kết quả kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, các cơ quan, đơn vị thực hiện như sau:

a) Đối với kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức do Hội đồng cấp tỉnh tổ chức, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tuyển dụng và phân công những người trúng tuyển về các sở, ban ngành và UBND cấp huyện. Sau khi hết thời gian thử việc, Thủ trưởng sở, ban ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm đánh giá, nhận xét bằng văn bản về thời gian thử việc của công chức gửi về Sở Nội vụ để xem xét quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo phân cấp.

b) Đối với kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức ngạch cán sự và tương đương trở xuống (loại D trở xuống) do cấp huyện tổ chức, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch và phân công công chức trúng tuyển về phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện. Báo cáo kết quả tuyển dụng và gửi quyết định tuyển dụng (01 bản) về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung.

Điều 26. Tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức và xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên

1. Thủ trưởng sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức hoặc xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; theo dõi, chỉ đạo Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 10 và Điểm a, b, Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ; tổng hợp hồ sơ, kết quả kiểm tra, sát hạch trình Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

2. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục hồ sơ tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức và xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển dụng các trường hợp đặc biệt; kết quả xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên, Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm vào ngạch công chức hoặc trình UBND tỉnh bổ nhiệm ngạch công chức theo phân cấp.

Điều 27. Tuyển dụng viên chức

1. Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, căn cứ quy định về tuyển dụng viên chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, số lượng người làm việc được phân bổ hàng năm và khả năng tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ), xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 9 Luật Viên chức, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định pháp luật.

3. Hàng năm, Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi tổ chức tuyển dụng (thông qua Sở Nội vụ); báo cáo kết quả tuyển dụng và gửi quyết định tuyển dụng (01 bản) về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung.

4. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức của các sở, ban ngành và tương đương, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ đủ điều kiện thành lập hội đồng tuyển dụng viên chức.

5. Trường hợp sở, ban ngành, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ chưa đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng viên chức hoặc chỉ tiêu tuyển dụng; số lượng thí sinh dự tuyển quá ít thì có thể đề nghị UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng viên chức chung toàn tỉnh.

6. Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng viên chức chung cho toàn tỉnh trong trường hợp các cơ quan, đơn vị nêu trên chưa đủ điều kiện tổ chức tuyển dụng viên chức. Trong trường hợp này, sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng tuyển, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ chỉ tiêu tuyển dụng và thẩm quyền bổ nhiệm ngạch tiến hành ra quyết định tuyển dụng, phân công cụ thể về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

7. Đối với các chức danh lái xe, nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước cấp chi phí hoạt động thường xuyên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ chỉ tiêu được giao để ký kết và thực hiện chế độ hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ.

Điều 28. Xét tuyển đặc cách

1. Thủ trưởng sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để đánh giá về các điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu nhiệm vụ của vị trí việc làm cần tuyển đối với người được đề nghị xét tuyển đặc cách vào viên chức không qua thi tuyển hoặc xét tuyển; theo dõi, chỉ đạo Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ; tổng hợp hồ sơ, kết quả kiểm tra, sát hạch trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (thông qua Sở Nội vụ).

2. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục hồ sơ tiếp nhận đối với các trường hợp xét tuyển đặc cách trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển dụng các trường hợp xét tuyển đặc cách, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hoặc trình UBND tỉnh bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

Điều 29. Ký kết hợp đồng làm việc và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức (bao gồm Chủ tịch hội đồng chuyên môn) có trách nhiệm:

1. Căn cứ quyết định tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức, tiến hành ký kết hợp đồng làm việc và ra quyết định cử viên chức có chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng truyền đạt hướng dẫn tập sự đối với viên chức trúng tuyển.

2. Thực hiện việc chấm dứt hợp đồng khi viên chức nghỉ việc hoặc chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị khác; việc chấm dứt hợp đồng làm việc phải thể hiện bằng văn bản có xác nhận của viên chức và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Văn bản chấm dứt hợp đồng làm việc được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản.

3. Căn cứ vào quyết định tiếp nhận, phân công nhiệm vụ đối với viên chức của cấp có thẩm quyền, năng lực, trình độ đào tạo, quá trình công tác, diễn biến tiền lương và thời gian đóng bảo hiểm xã hội, tiến hành ký hợp đồng làm việc và thực hiện chế độ tiền lương phù hợp đối với viên chức mới chuyển đến.

Điều 30. Bổ nhiệm, nâng bậc, ngạch lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ, công chức; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương (loại B); quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II; các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm và Người được cử đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước.

b) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên và tương đương (loại C, bao gồm ngạch chuyên viên cao đẳng và tương đương);

c) Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đồng chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ:

- Quyết định bổ nhiệm ngạch, chuyên ngạch cho cán bộ, công chức ngạch cán sự và tương đương trở xuống (loại D trở xuống);

- Tổ chức quy trình xét chuyên chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyên chức danh nghề nghiệp hạng II theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này;

- Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, IV; quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp lên hạng III, IV.

2. Nâng ngạch cán bộ, công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương; tổ chức thi nâng ngạch lên ngạch cán sự, chuyên viên và tương đương; quyết định công nhận kết quả thi nâng ngạch lên cán sự, chuyên viên và tương đương;

- Quyết định cử viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II theo quy định; quyết định công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II.

b) Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh:

- Thẩm định, tổng hợp hồ sơ cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương. Tổ chức thi nâng ngạch lên ngạch cán sự, chuyên viên và tương đương.

- Thẩm định, tổng hợp hồ sơ viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II.

3. Nâng bậc lương

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung) và nâng bậc lương trước thời hạn (sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Nội vụ) đối với cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A), viên chức chức danh nghề nghiệp hạng I, các chức danh lãnh đạo UBND tỉnh, chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm và người được cử đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước.

b) Thủ trưởng sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quyết định nâng bậc lương thường xuyên (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung) đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền (ngoài đối tượng Chủ tịch UBND tỉnh quyết định) không phải thỏa thuận với Giám đốc Sở Nội vụ. Riêng việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với các trường hợp này phải có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 31. Cho thôi việc

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cho thôi việc đối với các cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, chuyên viên cao cấp, chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương; các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm và người được cử đại diện phân vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước.

2. Thủ trưởng sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ quyết định cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc do mình bổ nhiệm và cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính (loại B), viên chức chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương trở xuống.

Điều 32. Cho nghỉ hưu

1. Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định cho thôi việc và hưu trí đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp (loại A), viên chức chức danh nghề nghiệp hạng I và tương đương; các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm và người được cử đại diện phân vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước.

2. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quyết định cho thôi việc và hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc do mình bổ nhiệm và cán bộ, công chức ngạch chuyên viên chính (loại B), viên chức chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương trở xuống.

3. Các quyết định cho thôi việc và hưu trí phải gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý chung.

Chương VII

THẨM QUYỀN KỶ LUẬT, TỬ CHỨC VÀ MIỄN NHIỆM

Điều 33. Kỷ luật

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện và cán bộ, công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương (loại A), viên chức chức danh nghề nghiệp hạng I; các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do UBND tỉnh bổ nhiệm và người được cử đại diện phân vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước.

2. Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; theo dõi, kiểm tra các sở, ban ngành, UBND cấp huyện trong thực hiện các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ quyết định các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý (ngoài đối tượng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tại Khoản 1 Điều này). Đồng thời báo cáo Sở Nội vụ việc thực hiện các hình thức kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Điều 34. Từ chức

1. Trong thời gian giữ chức vụ, nếu cán bộ, công chức, viên chức không đủ điều kiện làm lãnh đạo, có nguyện vọng xin từ chức thì làm đơn báo cáo lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng công chức, viên chức xem xét quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trong thời gian tối đa 20 ngày kể từ khi nhận được đơn xin từ chức, lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng công chức, viên chức phải xem xét quyết định hoặc báo cáo lên cấp trên để quyết định.

3. Việc quyết định chấp thuận cho cán bộ, công chức, viên chức từ chức thực hiện theo nguyên tắc: cấp nào quyết định bổ nhiệm hoặc phê chuẩn kết quả bầu cử thì cấp đó quyết định chấp thuận đơn xin từ chức của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Cán bộ, công chức, viên chức sau khi từ chức được bố trí công tác khác.

Điều 35. Miễn nhiệm

1. Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí sang công tác khác hoặc được bổ nhiệm chức vụ mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu cử thì có thẩm quyền quyết định miễn nhiệm cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của Thủ trưởng các sở, ban ngành và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch hội đặc thù cấp tỉnh, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, Công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn có vốn góp của Nhà nước; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cho Chủ tịch UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu